

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC
KHU VỰC NÔNG THÔN
Tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 9 NĂM 2010 SO VỚI				Bình quân 9 tháng đầu năm 2010 so với 9 tháng đầu năm 2009
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 9 năm 2009</i>	<i>Tháng 12 năm 2009</i>	<i>Tháng 8 năm 2010</i>	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,84	108,55	106,13	101,31	107,92
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,66	110,06	106,69	100,74	108,54
1- Lương thực	111,46	113,41	103,84	102,59	110,10
2- Thực phẩm	109,81	109,29	107,39	100,19	108,03
3- Ăn uống ngoài gia đình	112,78	109,50	107,70	100,53	109,57
II, Đồ uống và thuốc lá	110,64	107,55	106,22	100,47	107,34
III, May mặc, mũ nón, giày dép	109,13	106,26	104,78	100,32	106,36
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	117,17	111,40	108,77	101,15	113,17
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,87	105,35	104,53	100,33	105,09
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	103,97	103,68	103,03	100,42	103,31
VII, Giao thông	113,33	106,28	102,50	100,83	114,50
VIII, Bưu chính viễn thông	91,03	94,30	94,40	99,88	96,04
IX, Giáo dục	119,82	114,07	113,65	111,03	104,39
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	104,18	102,28	102,19	100,19	101,99
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	113,83	110,26	108,17	100,46	110,73

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng